

Đánh giá khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến Việt Nam dựa vào chỉ số hiệu quả kỹ thuật

Nguyễn Thị Cành
Lê Quang Minh

Tóm tắt: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, cụ thể áp dụng mô hình với dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas và Translog theo phương pháp tham số (SFA) trên Stata 15 cùng với bộ dữ liệu điều tra các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp giai đoạn 2010–2016 đã tính toán được hiệu quả kỹ thuật (TE) của các doanh nghiệp, qua đó đánh giá khả năng cạnh tranh và so sánh khả năng cạnh tranh giữa các nhóm doanh nghiệp. Kết quả cho thấy, các doanh nghiệp công nghiệp chế biến Việt Nam nhìn chung sử dụng các đầu vào chưa hiệu quả. Các doanh nghiệp có thể có tiềm năng tăng doanh thu từ 8,9% đến 13,5% để đạt được hiệu quả cao nhất. Nói một cách khác, với kết quả đầu ra không đổi, các doanh nghiệp có thể tiết kiệm được từ 8,9% đến 13,5% các đầu vào. Tỷ lệ các doanh nghiệp có TE cao ($TE > 90\%$) theo phương pháp Translog chiếm tỷ lệ thấp với 25,23% tổng số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Điều này cho thấy, đa số các doanh nghiệp công nghiệp chế biến của Việt Nam có TE thấp, đồng nghĩa với khả năng cạnh tranh thấp; các doanh nghiệp FDI có chỉ số TE cao nhất, cao hơn hiệu quả bình quân chung, và cao hơn các doanh nghiệp trong nước theo từng năm và theo các nhóm ngành. Ngược lại, các doanh nghiệp tư nhân (DNTN) trong nước có chỉ số TE thấp nhất; các doanh nghiệp phía Nam có hiệu quả cao hơn các doanh nghiệp miền Bắc và miền Trung; các doanh nghiệp tham gia xuất, nhập khẩu có TE cao hơn các doanh nghiệp chỉ tham gia thị trường nội địa, qua đó khẳng định các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu có khả năng cạnh tranh cao hơn.

Từ khóa: Hiệu quả kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, doanh nghiệp công nghiệp chế biến.

Mã phân loại JEL: D22, F36, G30.

Tài liệu tham khảo

- Anwar, S. & Nguyen, L. P. (2014). Is foreign direct investment productive? A case study of the regions of Vietnam. *Journal of Business Research*, 67(7), 1376–1387. doi:10.1016/j.jbusres.2013.08.015
- Battese, G. E., Prasada Rao, D. S. & O'Donnell (2004). A Metafrontier Production Function for Estimation of Technical Efficiencies and Technology Gaps for Firms Operating Under Different Technologies. *Journal of Productivity Analysis*, 21(1), 91-103.
- Biorn, E. & Skjerpen, T. (2004). Aggregation biases in production functions: a panel data analysis of Translog models, *Research in Economics, Elsevier*, 58(1), 31-57
- Bölük, G. & Koç, A. A. (2010). Electricity demand of manufacturing sector in Turkey: A translog cost approach. *Energy Economics* 32(3), 609-615.
- Cockburn, J. & Siggel, E. (1999). Measuring Competitiveness And Its Sources: The Case Of Mali's Manufacturing Sector, *African Economic Policy Paper Discussion Paper No.16*
- Đào Lê Thanh (2013). Hiệu quả kỹ thuật trong khu vực công nghiệp chế biến của Việt Nam: Kết quả phân tích từ số liệu tổng điều tra doanh nghiệp 2000-2006. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 63-72.
- Ekayanake, S. A. B. (1987). Location Specificity, Settler Type and Productive Efficiency: A Study of the Mahaweli Project in Sri Lanka. *Journal of Development Studies*, 23, 509-21.
- Farrel, M. J. (1957). The Measurement of Productive Efficiency, *Journal of Royal Statistical Society, Series A (General)*, 120, 253-281
- Feng, G. & Serletis, A. (2008). Productivity trends in US manufacturing: Evidence from the NQ and AIM cost functions. *Journal of Econometrics*, 142(1), 281-311.
- Lin, B. & Atsagli, P. (2017). Inter-fuel substitution possibilities in South Africa: A translog production function approach. *Energy* 121, 822-831.
- O'Toole, C. M., Morgenroth, E. L. & Ha, T. T. (2016). Investment efficiency, state-owned enterprises and privatisation: Evidence from Viet Nam in Transition. *Journal of Corporate Finance*, 37, 93-108

Phạm Lê Thông & Lý Phương Thùy (2016). Hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 229, 43-51.

Vũ Thịnh Trường & Võ Hồng Đức (2015). Đo lường hiệu quả kỹ thuật của các công ty niêm yết tại Việt Nam: Phương pháp tham số và phi tham số. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 222, 22-34.